

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Tâm lý học; Chuyên ngành: Tâm lý học giáo dục

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN CÔNG KHANH

2. Ngày tháng năm sinh: 08-6-1958 Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Yên Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): số 15 A Hẻm 32/15/23 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số 15 A Hẻm 32/15/23 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 02439321070; Điện thoại di động: 0904 218 270;

E-mail: congkhanh6@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1985 đến năm 1994: Cán bộ nghiên cứu, Viện Khoa học giáo dục.

Từ năm 1995 đến năm 1999: Thạc sĩ Tâm lý ứng dụng, sau chuyển tiếp lên Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học Murdoch (Australia).

Từ năm 1999 đến năm 2004: Nghiên cứu viên chính, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.

Từ năm 2004 đến năm 2007: Trưởng phòng nghiên cứu đánh giá giáo dục, Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo & Nghiên cứu phát triển giáo dục, ĐHQG Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Từ năm 2008 đến năm 2018: Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trường ĐHSP Hà Nội.

Từ năm 2019 đến nay: Giảng viên cao cấp, Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cao cấp; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.85.876.448

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng.....năm: chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 10 năm 1985, ngành: Tâm lý học, chuyên ngành: Tâm lý học.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 7 năm 1999; ngành: Tâm lý học; chuyên ngành: Tâm lý học.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Murdoch University - Australia

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 09 tháng 10 năm 2005 (số 04671), ngành: Tâm lý học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Tâm lý học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Tôi đã xác định được **2 hướng nghiên cứu chủ yếu** sau:

1- Nghiên cứu về đo lường và đánh giá trong khoa học tâm lý - giáo dục

- Phương pháp luận nghiên cứu thiết kế, thích nghi và chuẩn hóa công cụ đánh giá (phương pháp luận thiết kế tests, Việt hóa/thích nghi/chuẩn hóa công cụ, chọn mẫu khảo sát, mô hình xử lý, phân tích số liệu nghiên cứu định lượng);
- Đo lường và đánh giá năng lực (năng lực nhận thức thể hiện qua các chỉ số: thông minh (IQ); sáng tạo (CQ); trí tuệ cảm xúc (EQ); trí tuệ xã hội (SQ); khung đánh giá các năng lực chung...);
- Đo lường và đánh giá nhân cách (giá trị sống, kỹ năng sống/ kỹ năng xã hội, tiềm năng nghề, định hướng nghề nghiệp...);

2- Nghiên cứu về tư vấn tâm lý và trị liệu tâm lý (tư vấn tâm lý, tâm bệnh, các rối nhiễu/ rối loạn tâm lý, các tiếp cận trị liệu tâm lý, các liệu pháp tâm lý điều trị tâm bệnh)

- Tư vấn tâm lý
- Trị liệu tâm lý

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 15 đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học từ cấp ĐH Quốc gia, cấp bộ, cấp bộ trọng điểm và cấp Nhà nước. Trong đó, chủ nhiệm/chủ trì 7 đề tài (03 đề tài cấp Đại học Quốc gia; 02 đề tài cấp Bộ; 01 đề tài của dự án tương đương cấp Nhà nước; và 01 nhiệm vụ (WB) xây dựng bộ tài liệu kiểm tra đánh giá trong giáo dục tương đương cấp bộ, thuộc Chương trình READ (Bộ GD&ĐT). Tham gia chính 04 đề tài cấp Nhà nước, tham gia chính 01 đề tài cấp Bộ trọng điểm và tham gia chính 02 đề tài cấp Bộ.
- Đã công bố (số lượng) 105 bài báo KH, báo cáo KH tại các hội thảo quốc gia, quốc tế, trong đó có 4 bài báo KH được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín: 1 bài trên tạp chí Current Psychology (ISI/SCOPUS Q2, H. Index 39) và 3 bài trên Journal of Rational-Emotive & Cognitive-Behavior Therapy (ISI/SCOPUS Q2, H. Index 33).
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 17, trong đó 15 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Huy chương vì thế hệ trẻ; chiến sỹ thi đua cấp Bộ (QĐ số 451/QĐ-BGDĐT, ngày 04 /02 /2013).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Đạo đức nghề nghiệp: tôi không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn.

1.2. Thời gian làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ ĐH trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

Tôi có đủ thời gian làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (tôi đã được bổ nhiệm chức danh PGS từ 2005). Có trên 10 năm liên tục làm nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (thực tế tôi đã có 21 năm liên tục đào tạo đại học và sau đại học).

1.3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao và có đủ số giờ chuẩn giảng dạy theo qui định trong đó có ít nhất 1/2 số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp.

1.4. Thành thạo ít nhất một ngoại ngữ phục vụ chuyên môn: tiếng Anh (học thạc sỹ, tiến sỹ tại Australia) có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh.

1.5. Đã chủ trì, tham gia phát triển chương trình đào tạo từ trình độ đại học trở lên, đã chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được cấp có thẩm quyền thẩm định và đưa vào sử dụng.

1.6. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học: là tác giả chính đã công bố được 4 bài báo KH trên các tạp chí quốc tế uy tín, sau khi được công nhận PGS (4 bài báo có chỉ số **ISI/SCOPUS Q2/H. Index 33 & 39**) và có **1 cuốn sách chuyên khảo viết bằng tiếng Anh** do LAMBERT Academic Publishing (Đức) xuất bản (2019) sau PGS.

Đánh giá chung, tôi tự nhận thấy mình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và vai trò của nhà giáo, đáp ứng được tất cả các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của một giảng viên cao cấp giảng dạy đại học và sau đại học tại một trường đại học trọng điểm, uy tín.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 21 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015					60	45	105/127,5/90
2	2015-2016	2	1			90	45	135/157,5/67,5
3	2016-2017	3	1			90	60	150/180/67,5
3 năm học cuối								

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

4	2017-2018	3	2			60	60	120/150/67,5
5	2018-2019	3	2			179	90	269/314/270
6	2019-2020	3	2			134	120	254/350,6/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 1999.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Văn Tính	NCS		Chính		2010-2012	Viện KHGD	Được cấp bằng 27/12/2012. Số: 001540
2	Nguyễn Thị Vân	NCS		Chính		2014-2019	Trường ĐHSP Hà Nội	19/3/2020. Quyết định cấp bằng số 744/QĐ-ĐHSPHN
3	Đỗ Thị Hường	NCS		Chính		2017-2020	Đại học Giáo dục	16/3/2020 số 308/QĐ-ĐHGD. Đã bảo vệ chính thức thành công ngày 21/4/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của Cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư							
1	Tâm lý và Sức khỏe	CK	NXB VH thông tin, 2000	6	Tham gia	Biên soạn phần 7 (606-723)	Có xác nhận của CSGDĐH
2	Tâm lý trị liệu	CK	NXB ĐHQG HN, 2000	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDĐH
3	Một số đặc điểm sinh lý và tâm lý của học sinh tiểu học ngày nay (Chuyên khảo)	CK	NXB ĐHQG HN, 2001	9	Tham gia		Có xác nhận của CSGDĐH
4	Ứng dụng phần mềm thống kê SPSS trong KHXH	TK	NXB ĐHQG, HN, 2001	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDĐH
5	Đánh giá và đo lường trong KHXH	CK	NXB Chính trị Quốc gia, 2004	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDĐH
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư							
6	Trí tuệ và Đo lường trí tuệ	TK	NXB Chính trị Quốc gia, 2005	5	Tham gia	Phần biên soạn (80- 159)	Có xác nhận của CSGDĐH
7	Kết quả nghiên cứu nhân cách: NEOPI - R	CK	NXB Chính trị Quốc gia, 2007	8	Tham gia		Có xác nhận của CSGDĐH
8	Xây dựng mô hình Câu lạc bộ giáo dục giá trị sống và phát triển kỹ năng sống	TK	NXB Hà Nội, 2012	2	Chủ biên,	Phần biên soạn (3- 38), (49- 139)	Có xác nhận của CSGDĐH
9	Năng lực nghề nghiệp giảng viên ĐHSP	CK	NXB ĐH Sư phạm, 2013. Chỉ số ISBN 978-604-54- 1804-8	5	Tham gia		Có xác nhận của CSGDĐH
10	Viet Nam Professional on Educational Assessment Training manual (For educational managers)	GT	Bộ GD&ĐT, READ, World Bank , 2014	2	Chủ biên,	Phần biên soạn (2- 78)	Có xác nhận của CSGDĐH
11	Phương pháp phát triển trí tuệ cho trẻ em	CK	NXB ĐH Sư phạm, 2015. Chỉ số ISBN 978-604-54- 1552-8	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDĐH
12	Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống	CK	NXB ĐH Sư phạm, 2014. Chỉ số ISBN 978-604-54- 1877-2	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDĐH

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

13	Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	GT	NXB ĐH Sư phạm, 2016. Chỉ số ISBN 978-604-54-1605-1	2	Chủ biên,	Phần biên soạn (25-278)	Có xác nhận của CSGDDH
14	Nghệ thuật ứng xử và mã số thành công	TK	NXB ĐHSP, 2016. Chỉ số ISBN 978-60 4-54-0354-9	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDDH
15	Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh: Quyển 2- Khoa học xã hội	TK	NXB ĐHSP, 2016. Chỉ số ISBN 978-604-54-3097-2	6	Tham gia,	Phần biên soạn (7-12, 36-44), (192-231)	Có xác nhận của CSGDDH
16	Tư vấn tâm lí tuổi vị thành niên	CK	NXB ĐH Sư phạm, 2016. Chỉ số ISBN 978-604-54-2358-5	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDDH
17	Trị liệu tâm lý	CK	NXB ĐHQGHN, 2017. Chỉ số ISBN 978-604-62-9668-3	1	Một mình		Có xác nhận của CSGDDH
18	Social Problem Solving Test for Adolescents	CK	LAMBERT Academic Publishing ISBN 978-3-659-53390-7	2	Chủ biên		Có xác nhận của CSGDDH

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Các số TT 3, 5, 7, 9, 11, 12, 16, 17, 18 là các sách CK và đặc biệt số TT 18 là sách CK do LAMBERT Academic Publishing quốc tế (see links: <http://journalology.blogspot.co.uk/2012/09/lambert-academic-publishing-or-how-not.html>; http://www.amazon.com/Reshaping-Natures-impacts-environmental-communities/dp/3845416793/ref=sr_1_6?s=books&ie=UTF8&qid=1320269322&sr=1-6 xuất bản sau PGS.

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư					

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

1	Thực trạng đạo đức, tư tưởng chính trị và lối sống của học sinh và sinh viên Việt Nam trong thời kỳ CNH-HĐH	TG chính	KHXH 04 - 07- CĐ Nhà nước	1999-2000	Tốt
2	Xác định các chỉ số sinh lý và tâm lý cơ bản của HS phổ thông hiện nay	TG chính	B2001-49-02TD (cấp Bộ trọng điểm)	2001-2003	Tốt
3	Bước đầu thích nghi hoá các thang đánh giá hành vi kém thích nghi của Cornner trên học sinh tiểu học và THCS.	CN	Mã số: C3 Cấp Viện	2002	Tốt
4	Nghiên cứu phát triển trí tuệ (chỉ số IQ, EQ, CQ) của học sinh, sinh viên, lao động trẻ đáp ứng yêu cầu CNH, HDH	TG chính	KX-05-06 Nhà nước	2001-2005	Xuất sắc
5	Nghiên cứu phát triển nhân cách của học sinh, sinh viên, lao động trẻ đáp ứng yêu cầu CNH, HDH đất nước	TG chính	KX-05-07 Nhà nước	2001-2005	Tốt
6	Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp- nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào CNH, HDH đất nước	TG chính	KX-05-09 Nhà nước	2001-2005	Xuất sắc
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư					
7	Nghiên cứu chỉ số thông minh (IQ) của SV Đại học Quốc gia Hà Nội.	CN	QCL0403, Cấp ĐHQGHN	2004-2005	Tốt
8	Nghiên cứu phong cách học của SV Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	QCL0503, Cấp ĐHQGHN	2005-2006	Tốt
9	Nghiên cứu chỉ số sáng tạo (CQ) của SV Đại học Quốc gia Hà Nội	CN	QCL0604, Cấp ĐHQGHN	2006-2007	Khá
10	Nghiên cứu chỉ số trí tuệ xã hội (SQ) của sinh viên trường đại học sư phạm.	CN	B2009-17-176 Cấp Bộ	2011	Ngày 26/12/2011 Tốt
11	Nghiên cứu, xây dựng và thử nghiệm hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng các trường đại học y, điều dưỡng	CN	2.B.2 Tương đương cấp Nhà nước	2013-2014	Ngày 26/12/2014 Đạt
12	Xây dựng bộ tài liệu kiểm tra đánh giá trong GD, thuộc CT READ (Bộ GD&ĐT) cho 5 nhóm đối tượng: SV sư phạm, CBQL giáo dục, GV phổ thông, thạc sĩ sư phạm và cán bộ chuyên trách về khảo thí	CN	Theo HĐ số: 7846340 Tương đương cấp bộ	2014	Ngày 28/10/2014 Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

13	Giải pháp nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, nghiên cứu khoa học giáo dục, quản lý đào tạo cho đội ngũ giảng viên trường đại học sư phạm.	TG chính	B2011-17-CT07 Cấp Bộ	2012-2014	Ngày 17/6/2014 Tốt
14	Nghiên cứu biện pháp rèn luyện kỹ năng xúc cảm- xã hội tích cực cho HS tiểu học	TG chính	B2013-17-31 Cấp Bộ	2013-2015	Ngày 27/1/2016 Tốt
15	Xây dựng khung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở một số trường sư phạm dựa trên tiếp cận năng lực	CN	Mã số: B2017-SPH-27	2017-2019	Ngày 9/5/2020 Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận chức danh phó giáo sư								
1	Một số ý kiến về hoạt động chủ đạo ở học sinh THPT	1		Tạp chí Nghiên cứu giáo dục			Số 5 (26-27)	1989
2	Tìm hiểu tâm lý học sinh các lớp phân ban ở THPT	1		Tạp chí Nghiên cứu giáo dục			Số 5 (10-11)	1991
3	Một số kết quả nghiên cứu về biểu định hướng giá trị của lứa tuổi HS THPT	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 26 (23-26)	1991
4	Xã hội hiện đại và cách tiếp cận nó	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 34 (32-36)	1992
5	Nhu cầu tâm lý của HS THPT và việc GD đạo đức thông qua CT hoạt động ngoại khoá ở trường THPT	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 37 (22-25)	1993
6	Đưa tâm lý học ứng dụng vào trường phổ thông và thử nghiệm hoạt động ngoại khóa	1		Tạp chí Nghiên cứu giáo dục			Số 1 (13-20,+27)	1993
7	Thử nghiệm mô hình "Câu lạc bộ tâm lý ứng xử"	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 41 (59-63)	1994

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

8	Mô hình tư vấn và trị liệu tâm lý cho trẻ em có hành vi kém thích nghi	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 80 (28-32)	2000
9	Những giai đoạn phát triển tâm lý tuổi VTN: mô hình thiếu hụt và giải pháp	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 81 (36-40)	2000
10	Stress và ám sợ AID	1		Những vấn đề tâm lý và Văn hóa hiện đại. NXB Văn hóa thông tin, 2000			112-215	2000
11	Đau đầu giảm trí nhớ	1		Những vấn đề tâm lý và Văn hóa hiện đại. NXB Văn hóa thông tin, 2000			216-222	2000
12	Những kỹ thuật cơ bản ứng phó với Stress	1		Những vấn đề tâm lý và Văn hóa hiện đại. NXB Văn hóa thông tin, 2000			259-322	2000
13	Những vấn đề và các nguyên tắc thiết kế công cụ đo lường tâm lý	1		Kỹ yếu đổi mới dạy học, nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, Giáo dục học phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước (35 năm thành lập khoa 1965-2000) tập I			139-141	2000
14	Các bước cơ bản của quy trình thiết kế trắc nghiệm tâm lí	1		Kỹ yếu đổi mới dạy học, nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, Giáo dục học phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước (35 năm thành lập khoa 1965-2000) tập I			135-138	2000
15	Stress và chứng ám sợ lẫn tránh tiếp xúc xã hội	1		Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt – Pháp về tâm lý học: Trẻ em, Văn hóa, Giáo dục. NXB Thế giới-2001			80-83	2001
16	Mấy vấn đề về phương pháp luận và nguyên tắc kỹ thuật khi thực hành nghiên cứu đánh giá trong KHXH	1		Tạp chí Nghiên cứu giáo dục			Số 1 (13-14)	2001
17	Các kỹ thuật phân tích độ phân biệt của item.	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 83 (38-41)	2001
18	Các kỹ thuật phân tích độ khó của item	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 84 (39-42)	2001
19	Các phương pháp chọn mẫu	1		Tạp chí Giáo dục			Số 3 (14-16)	2001
20	Một số phương pháp cơ bản đánh giá Độ tin cậy của công cụ đo lường	1		Tạp chí Giáo dục			Số 11 (11-13)	2001
21	Từ những rối nhiễu bất thường về tâm lý đến tâm bệnh lý	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 3 (29-33), +38	2001
22	Một số phương pháp cơ bản đánh giá độ hiệu lực của trắc nghiệm	1		Tạp chí Giáo dục			Số 20 (18-19)	2002
23	Rối nhiễu hành vi: tăng động giảm chú ý ở lứa tuổi học sinh tiểu học	1		Tạp chí Giáo dục			Số 28 (7-9)	2002
24	Quy trình thiết kế công cụ đo lường trong KHXH	1		Tạp chí Giáo dục			Số 38 (18-22)	2002
25	Các nguyên tắc và kỹ thuật thiết kế công cụ đo lường trong KHXH	1		Tạp chí Giáo dục			Số 41 (13-15)	2002

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

26	Bàn về khái niệm trí thông minh và bản chất của nó.	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 92 (38-42), +49	2002
27	Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu trí thông minh cảm xúc	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 11 (3-11), +14	2002
28	Thích nghi hóa bộ trắc nghiệm của Conner	1		Kỷ yếu Hội nghị Tâm lý học 2003, tháng 1-2003			66-73	2003
29	Sử dụng phương pháp phân tích nhân tố trong phân tích số liệu nghiên cứu	1		Tạp chí Tâm lý học		4	Số 4 (30-38)	2003
30	Khái niệm nhân cách và những cách tiếp cận nghiên cứu nhân cách theo quan điểm phương tây	1		Tạp chí Tâm lý học		5	Số 5 (8-13)	2003
31	Các mô hình lý thuyết về trí thông minh xúc cảm	1		Tạp chí Giáo dục			Số 61 (14-15)	2003
32	Vấn đề đo lường các nét nhân cách	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 7 (4-11)	2003
33	Thích nghi và chuẩn hoá trắc nghiệm	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 9(36-41), +43	2003
34	Tư vấn sức khoẻ sinh sản vị thành niên (đăng ở 2 số 69 và 70)	1		Tạp chí Giáo dục			Số 69 (43-44) & số 70 (43-45)	2003
35	Tư vấn trong dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số ĐB (27-29)	2003
36	Phương pháp luận nghiên cứu và đo lường nhân cách	1		Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách. NXB Chính trị Quốc gia			398-435	2004
37	Trí thông minh	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 2 (51-57)	2004
38	Định hướng nghề ở lứa tuổi học sinh THPT.	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 8 (11-18)	2004
39	Thích nghi hóa trắc nghiệm của Conner	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 103 (36-41)	2004
40	Nghiên cứu kỹ năng xã hội ở lứa tuổi học sinh THCS	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 108 33-36	2004
41	Phương pháp đo lường trí thông minh cảm xúc	1		Tạp chí Thông tin KHGD			Số 111 (35-38), 45	2004
42	Phương pháp nghiên cứu chỉ số thông minh ở học sinh THPT	1		Tạp chí Phát triển Giáo dục			Số 8(68) 11-14	2004
43	Kết quả nghiên cứu chỉ số thông minh ở học sinh THPT	1		Tạp chí Phát triển Giáo dục			Số 9(69) 13-14	2004

44	Triển khai xây dựng khung kiểm định các khóa đào tạo GVTH	1		Tạp chí Giáo dục			Số 92 (35-37)	2004
45	Phương pháp đánh giá tiềm năng nghề nghiệp của học sinh phổ thông	2	Chính	Tạp chí Giáo dục			Số 93 15-16	2004
46	Kỹ năng xã hội ở lứa tuổi học sinh THPT	1		Tạp chí Giáo dục			Số 94 16-19	2004
47	Nghiên cứu chỉ số thông minh ở học sinh cuối TH và THCS	1		Tạp chí Giáo dục			Số 99 16-19	2004
Sau khi được công nhận chức danh phó giáo sư								
48	Các nguyên tắc và kỹ thuật thiết kế công cụ đánh giá kết quả học tập giảng dạy và nghiên cứu trong giáo dục ĐH	1		Giáo dục đại học: chất lượng và đánh giá. NXB ĐHQGHN			205- 221	2005
49	Nghiên cứu chỉ số thông minh ở SV	1		Giáo dục đại học: chất lượng và đánh giá. NXB ĐHQGHN			205- 221	2005
50	Sự phát triển nhận thức ở lứa tuổi học sinh THCS và THPT	1		Tạp chí Thông tin KHGD (2 số 115 và 116)			Số 115 (6-10); Số 116 (29-32)	2005 2005
51	Thủ phác thảo một số nét nhân cách cần thiết của một nhà kinh doanh giỏi	2	chính	Tạp chí Tâm lý học			Số 6 (7-11)	2005
52	Xúc cảm, tình cảm ở lứa tuổi HS THPT	1		Tạp chí Tâm lý học			Số 6 (41-47)	2005
53	Về tiêu chuẩn kiểm định khoá đào tạo GVTH	1		Tạp chí Giáo dục			Số 124 (7-11)	2005
54	Nghiên cứu về mối quan hệ giữa các chỉ số IQ, CQ, EQ ở lứa tuổi học sinh PT	1		Tạp chí Khoa học giáo dục			Số 2 (27-30)	2005
55	Sự phát triển xúc cảm tình cảm của HS THPT	1		Tạp chí Khoa học giáo dục			Số 7 (33-38)	2006
56	Kết quả khảo sát tiềm năng nghề nghiệp ở lứa tuổi HS THCS	1		Tạp chí Giáo dục			Số 131 (11-14)	2006
57	Nghiên cứu trí tuệ cảm xúc ở HS THPT	1		Tạp chí Giáo dục			Số 142 (11-13), +44	2006
58	Về quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên tiểu học	1		Tạp chí Giáo dục			Số 145 (13-15)	2006
59	Kết quả khảo sát tiềm năng nghề nghiệp ở lứa tuổi THPT	1		Tạp chí Khoa học giáo dục			Số 13 (21-24)	2006

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

60	Kết quả nghiên cứu chỉ số thông minh (IQ) của SV ĐHQGHN	1		Giáo dục đại học: Một số thành tố của chất lượng. NXB ĐHQGHN	97-177	2007
61	Nghiên cứu phong cách học của sinh viên	1		Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Đánh giá hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV”. ĐHQGHN	40-55	2007
62	Phân tích đánh giá chất lượng đề thi trắc nghiệm khách quan	1		Hội thảo khoa học “Các giải pháp đánh giá khách quan kết quả học tập ở các trường ĐHSP”. Bộ GD & ĐT, Trường ĐHSPHN	37-43	2008
63	Phương pháp giáo dục phát triển trí tuệ trẻ mầm non (2-3 tuổi).	1		Tạp chí Khoa học giáo dục	Số 37 (25-28)	2008
64	Mười cách phát triển trí thông minh cho trẻ em	1		Tạp chí Khoa học giáo dục	Số 39 (31-33)	2008
65	Phương pháp giáo dục phát triển trí tuệ trẻ mẫu giáo	1		Tạp chí Giáo dục	Số 197 (48-50)	2008
66	Nghiên cứu phong cách học của sinh viên	1		Tạp chí Giáo dục	Số 202 (7-10)	2008
67	Phương pháp phát triển trí sáng tạo cho trẻ mầm non	1		Tạp chí Giáo dục	Số 205 (16-17)	2009
68	Phát triển trí thông minh ở trẻ em theo mô hình đa trí tuệ	1		Tạp chí Giáo dục	Số 209 (15-18)	2009
69	Phương pháp phát triển trí nhớ cho trẻ mầm non 2-3 tuổi	1		Tạp chí Khoa học giáo dục	Số 43 (17-18)	2009
70	Giáo dục tính chủ động, độc lập, tự tin ở trẻ em	1		Tạp chí Khoa học giáo dục	Số 47 (21-24)	2009
71	Phương pháp giáo dục phát triển trí tuệ trẻ mầm non (2-3 tuổi)	1		Tạp chí Tâm lý học	Số 5 (1-7)	2009
72	Đánh giá chất lượng giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	1		Hội thảo “Đổi mới phương pháp dạy và học ở các trường SP trong xu thế hội nhập”. Bộ GD & ĐT, Trường ĐHSPHN	68-79	2009
73	Một số phát hiện từ kết quả khảo sát SV trường ĐHSP HN tốt nghiệp năm 2009	1		Giáo dục Đại học: Đảm bảo, Đánh giá và KĐCL. NXB ĐHQG Hà Nội, 2010	141-154	2010
74	Cơ sở khoa học của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”	1		Hội thảo “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” từ lý luận đến thực tiễn. Bộ GD & ĐT	7-12	2010
75	Phân tích đánh giá chất lượng đề thi trắc nghiệm khách quan	1		Kỷ yếu hội thảo KH “Nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng tâm lý – GD học trong thời kỳ hội nhập quốc tế. NXB ĐHSPHN	456-458	2010
76	Xây dựng câu lạc bộ giáo dục giá trị sống và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh các trường phổ thông	1		Kỷ yếu hội thảo KH “Nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng tâm lý – GD học trong thời kỳ hội nhập quốc tế. NXB ĐHSPHN	459-469	2010

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

77	Mô hình trí tuệ xã hội của SV đại học sư phạm	1		Tạp chí Giáo dục và Xã hội		Số 65 (11-17)	2011
78	Trí tuệ xã hội và các mô hình cấu trúc trí tuệ xã hội	1		Tạp chí Khoa học giáo dục		Số 71 (14-17)	2011
79	Cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng các tiêu chí đánh giá giờ dạy của giáo viên phổ thông	1		Kỷ yếu HT khoa học: “Xây dựng quy định về đánh giá giờ dạy của giáo viên trung học”. Bộ GD & ĐT		60-67	2012
80	Thực trạng đào tạo về kiểm tra đánh giá trong chương trình giáo dục ở các trường đại học của Việt Nam	2	Chính	Hội thảo “Xây dựng khung kiến thức chung về đánh giá GD và trọng tâm cho từng đối tượng liên quan. Bộ GD&ĐT- Ngân hàng TG (READ), 31/1-2/2/2013		1-23	2013
81	Dạy và học về kiểm tra đánh giá trong chương trình giáo dục ở trường ĐHSP HN: thực trạng và giải pháp	2	Chính	Hội thảo “Xây dựng khung kiến thức chung về đánh giá GD và trọng tâm cho từng đối tượng liên quan. Bộ GD&ĐT- Ngân hàng TG (READ) ngày 31/1-2/2/2013		32-40	2013
82	Xây dựng khung kiến thức và năng lực: học phần đánh giá giáo dục	1		Hội thảo “Xây dựng khung kiến thức chung về đánh giá GD và trọng tâm cho từng đối tượng liên quan. Bộ GD&ĐT- Ngân hàng TG (READ), ngày 31/1-2/2/2013		204-215	2013
83	Một số vấn đề về năng lực và xây dựng khung năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015	1		Hội thảo “Xây dựng khung kiến thức chung về đánh giá GD và trọng tâm cho từng đối tượng liên quan. Bộ GD&ĐT- Ngân hàng TG (READ), ngày 31/1-2/2/2013		223-232	2013
84	Đánh giá học sinh theo cách tiếp cận năng lực	1		Kỷ yếu HT khoa học quốc tế: “Tâm lý học và Giáo dục học trong sự nghiệp phát triển con người VN”. NXB ĐHSP. ISBN 978-604-54-2724-8		688-695	2015
85	Đánh giá chất lượng đào tạo qua khảo sát sinh viên vừa tốt nghiệp	1		Tạp chí Khoa học, ĐHSPHN: KHGD DOI: 10.18173/2354-1075.2016-0127		Số 61 (27-42)	2016
86	Nghiên cứu trí tuệ xã hội của sinh viên ĐH sư phạm	1		Tạp chí Khoa học ĐHSPHN: KHGD DOI: 10.18173/2354-1075.2017-0145		Số 9 (3-10)	2017
87	Development of the social problem solving measure of adolescents’ competences in dealing with interpersonal problems.	2	Coessponding (Chính)	HNUE Journal of Science, Educational Sciences. DOI: 10.18173/2354-1075.2017-0170		Vol. 62, Iss. 12, 12-24.	2017
88	Xây dựng công cụ đánh giá giờ dạy của giáo viên trung học.	2	Chính	Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội.		Vol. 63, No. 2, p. 3-16.	2018
89	The problem-solving ability of 4th and 5th grade elementary school	3	Coessponding	In Proceedings the 6th international conference on school psychology: the role of school psychology		(p. 182-194).	2018

	students: the situation and factors affecting.		(Chính)	in promoting well-being of students and families. NXB ĐHSP, ISBN 978-604-54-4471-9.				
90	The Education Assessment Competence Structure of Primary Teachers in Vietnam,	2	Coresponding (Chính)	VNU Journal of Science: Education Research. https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4175 .			Vol. 34, No. 4, (p. 7-18.)	2018
91	Building Student Outcome Standard of High School Teacher Training Programs in Vietnam.	2	Coresponding (Chính)	American Journal of Educational Research. DOI:10.12691/education-6-6-19.			Vol. 6, No. 6, 710-715.	2018
92	Năng lực tự học và nghiên cứu về đánh giá GD của GV tiểu học: Thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng,	2	Chính	Tạp chí Khoa học giáo dục VN.			Số 9, tr. 44-49.	2018
93	Năng lực sử dụng và phân hồi kết quả đánh giá của giáo viên tiểu học: thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng,	2	Chính	Kỷ yếu hội thảo quốc tế Những xu thế mới trong giáo dục, Nxb ĐHQG Hà Nội, ISBN 978-604-968-478-4.			tr. 292-306.	2018
94	Năng lực lập kế hoạch và triển khai thực hiện đánh giá của giáo viên tiểu học: thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng,	2	Chính	Tạp chí Quản lý giáo dục- Học viện quản lý giáo dục.			Vol. 11 (2019), No. 1, p. 28-35.	2019
95	Năng lực lựa chọn và xây dựng công cụ đánh giá: thực trạng và những vấn đề của giáo viên tiểu học,	2	Chính	Tạp chí Khoa học ĐHSP Hà Nội. DOI: 10.18173/2354-1075.2019-0001			Vol. 64, Iss. 1, p. 3-15.	2019
96	Những vấn đề của học sinh tiểu học trong các mối quan hệ liên cá nhân.	2	Chính	Tạp chí Khoa học ĐHSP Hà Nội. DOI: 10.18173/2354-1075.2019-0153			Vol. 63, Iss 9AB, p. 389-396.	2019
97	Đánh giá của phụ huynh học sinh về thực trạng năng lực giải quyết vấn đề của học sinh tiểu học.	2	Chính	Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Tâm lý học: Tâm lý học và đạo đức nghề tâm lý học, p. 531-542. NXB lao động và Xã hội, ISBN 978-604-65-4417-3.			p. 531-542.	2019
98	Developing and testing a standard framework for assessing core competency of elementary school students under the new general education curriculum in Vietnam.	6	Coresponding (Chính)	In Competency-based learning and teacher education (Proceedings of the 1 st International Conference on Innovation in Learning Instruction and Teacher Education – ILITE 1. University of Education Publishing House, ISBN 978-604-54-5848-8.			p. 158-169.	2019
99	Development of the teacher rating scale of interpersonal problem solving in adolescents.	1		Current Psychology. https://doi.org/10.1007/s12144-019-00427-2 .	ISI/ SCOPUS (Q2, H.Index 39)			2019

100	Thực trạng năng lực giải quyết vấn đề của học sinh lớp 5.	3	Chính	Tạp chí Khoa học ĐHSP Hà Nội. DOI: 10.18173/2354-1075.2020-0008.			Vol 65, Iss 1, pp. 95-102	2020
101	Nhận thức của giáo viên về thực hiện quy định đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22.	3	Chính	VNU Journal of Science: Education Research, https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4349 .			Vol. 36, No.1 93-104.	2020
102	Development and Psychometric Properties of a Social Problem Solving Test for Adolescents.	2	Coessp onding (Chính)	Journal of Rational-Emotive & Cognitive-Behavior Therapy. https://doi.org/10.1007/s10942-019-00325-3 .	ISI/SCOPUS (Q2, H.Index 33)		Vol 38 (1), 76-95	2020
103	The Development of a Social Problem-Solving Test for Elementary School Students.	3	Coessp onding (Chính)	Journal of Rational-Emotive & Cognitive-Behavior Therapy. DOI: 10.1007/s10942-020-00360-5.	ISI/SCOPUS (Q2, H.Index 33)			2020
104	The Interpersonal Problem - Solving Measure for Elementary School Students: Development and Preliminary Evaluation in a 3Th Student Sample.	3	Coessp onding (Chính)	Journal of Rational-Emotive & Cognitive-Behavior Therapy. DOI: 10.1007/s10942-020-00361-4.	ISI/SCOPUS (Q2, H.Index 33)			2020
105	Nhận thức của cán bộ quản lí về thực hiện quy định đánh giá học sinh tiểu học theo thông tư 22.	3	Coessp onding (Chính)	Tạp chí Khoa học ĐHSP Hà Nội, DOI: 10.18173/2354-1075.2020-0083.			Vol 65, Iss 7, pp.117-126.	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **4 bài có chỉ số ISI/SCOPUS Q2/ H. Index 33 & 39.**

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Chủ trì chương trình nghiên cứu: Xây dựng bộ tài liệu kiểm tra đánh giá trong GD, thuộc Chương trình READ (Bộ GD&ĐT) cho 5 nhóm đối tượng: (1) SV sư phạm, (2) CBQL giáo dục, (3) GV phổ thông, (4) thạc sĩ sư phạm và (5) cán bộ chuyên trách về khảo thí. Quyết định Số 1338/QĐ-BGDĐT, ngày 18/4/2014; Quyết định Số 7264/QĐ-ĐHSPHN, ngày 28/10/2014.

- Chủ trì chương trình nghiên cứu, xây dựng và thử nghiệm hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng các trường đại học y, điều dưỡng (mã số: 2.B.2 thuộc Chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế - Bộ Y tế). Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Số 113/BB-K2ĐT ngày 26/12/2014.

- Tham gia xây dựng khung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo tiếp cận năng lực dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài B2017-SPH-27: “Xây dựng khung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở một số trường sư phạm dựa trên tiếp cận năng lực”. Quyết định ban hành chuẩn đầu ra số 4599/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 22/7/2019.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
.....

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng
ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là
tác giả chính theo quy định: cuốn *Trị liệu tâm lý*. NXB ĐHQGHN, 2017. ISBN 978-604-62-
9668-3 thay thế cho 1 CTKH bị thiếu.

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là
tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đã ký

PGS.TS. Nguyễn Công Khanh